|  |  |
| --- | --- |
| TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ  **CTCP SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG**  *~~-------------------------~~* | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  ~~-----------------------------------~~  *Hà Nội, ngày tháng 04 năm 2013* |

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2012**

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG**

1. **Thông tin chung**
2. **Thông tin khái quát:**

|  |  |
| --- | --- |
| * Tên công ty: | Công ty cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long |
| * Tên Tiếng Anh: | Song Da 11 Thang Long Joint Stock Company |
| * Tên viết tắt tiếng Anh: | SELCO |
| * Mã chứng khoán: | SEL |
| * Trụ sở chính: | BT03, Vị trí 24, Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, Hà Đông, Hà Nội |
| * Website: | [www.selco.com.vn](http://www.selco.com.vn) |
| * Email: | [songda11thanglong@gmail.com](mailto:songda11thanglong@gmail.com) |
| * Điện thoại: | 04 2246 3212 |
| * Fax: | 04 3355 4511 |
| * Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số số 0303001301 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 10/07/2008, thay đổi lần thay đổi lần thứ 6 số 0500589591 ngày 19 tháng 10 năm 2010. | |
| * Vốn điều lệ: | 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng) |
| * Số lượng cổ phần: * Số lượng cổ phần đăng ký niêm yết: | 5.000.000 cổ phần (Năm triệu cổ phần)  4.850.000 cổ phần (Bốn triệu tám trăm năm mươi nghìn cổ phần) |

1. **Quá trình hình thành và phát triển:**

* Quá trình hình thành và phát triển của Công ty CP Sông Đà 11 Thăng Long: Công ty CP Sông Đà 11 Thăng Long (SELCO) là một doanh nghiệp thành viên thuộc Tổng Công ty Sông Đà, được thành lập ngày 04/07/2008 theo Nghị quyết số 107 TCT/HĐQT ngày 09/04/2008 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Sông Đà và nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2008 của Đại hội cổ đông của Công ty cổ phần Sông Đà 11, dựa trên cơ sở ban đầu là sáp nhập Xí nghiệp Sông Đà 11.5 và Xí nghiệp Sông Đà 11.2 được tách ra từ Công ty CP Sông Đà 11.
* Ngày 31/3/2010, Công ty cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long chính thức trở thành công ty đại chúng.
* Ngày 23/7/2010, Công ty CP Sông Đà 11 Thăng Long được chấp thuận về nguyên tắc niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.
* Ngày 31/8/2010, Công ty CP Sông Đà 11 Thăng Long đã đăng ký chứng khoán và được cấp mã chứng khoán SEL tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
* Ngày 16/9/2010, 4.850.000 cổ phần của Công ty CP Sông Đà 11 Thăng Long đã chính thức được giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

1. **Nghành nghề kinh doanh:**

* Xây lắp đường dây tải điện, trạm biến áp đến cấp điện áp 500kV;
* Xây dựng các công trình thủy điện, thủy lợi, giao thông, bưu điện; Dịch vụ quản lý, vận hành, phân phối điện năng;
* Xây lắp hệ thống điện, cấp thoát nước khu đô thị và khu công nghiệp;
* Xây lắp các kết cấu công trình;
* Dịch vụ quản lý vận hành nhà máy thủy điện vừa và nhỏ, nhà máy nước tại các khu công nghiệp và đô thị;
* Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm về cơ khí;
* Dịch vụ quản lý và vận hành kinh doanh bán điện, sản xuất kinh doanh điện thương phẩm;
* Mua bán phương tiện vận tải cơ giới, chuyên chở hàng hóa đường bộ, vật tư thiết bị phục vụ thi công xây dựng, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị phụ tùng cơ giới và công nghệ xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi và bưu điện;
* Xây lắp, thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện, bảo dưỡng, lắp ráp tủ bảng điện công nghệ cho đường dây, nhà máy điện, trạm biến áp và các dây chuyền công nghệ có cấp điện áp đến 500kV;
* Bảo trì, bảo dưỡng định kỳ các nhà máy điện, trạm biến áp, xử lý sự cố bất thường cho các công trình điện;
* Tư vấn chuyên ngành thiết kế hệ thống điện - điện tử và tự động hóa (trừ dịch vụ thiết kế các công trình);
* Xây dựng các khu đô thị, nhà cao tầng và chung cư, khai thác vật liệu xây dựng;
* Lắp đặt hệ thống điện;
* Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi, điều hòa không khí;
* Lắp đặt hệ thống xây dựng khác: lắp đặt hệ thống thiết bị không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hòa nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng, lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như thang máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống hút bụi, hệ thống âm thanh, hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí, lắp đặt hệ thống thiết bị camera giám sát, thiết bị phòng cháy chữa cháy và hệ thống PCCC.

1. **Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**
   1. ***Mô hình quản trị:***

Bộ máy quản lý và tổ chức của Công ty được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần với sơ

đồ như sau:

PHÒNG KỸ THUẬT CƠ GIỚI

PHÒNG TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

BAN KIỂM SOÁT

PHÒNG KINH TẾ VẬT TƯ

PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

PHÒNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ

CN SÔNG ĐÀ 11.2 THĂNG LONG

CN SÔNG ĐÀ 11.5 THĂNG LONG

ĐỘI XÂY LẮP TRỰC THUỘC CÔNG TY

CN SÔNG ĐÀ 11.1 THĂNG LONG

* 1. ***Cơ cấu bộ máy quản lý:***

1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết hoặc người được cổ đông có quyền biểu quyết uỷ quyền. ĐHĐCĐ có các quyền sau:

* Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
* Thông qua kế hoạch phát triển của Công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, các báo cáo của BKS, của HĐQT và của các kiểm toán viên;
* Quyết định số lượng thành viên của HĐQT;
* Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên HĐQT và BKS;
* Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

1. Hội đồng quản trị

Số thành viên HĐQT của Công ty gồm 05 thành viên. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty, trừ những thẩm quyền thuộc ĐHĐCĐ. HĐQT có các quyền sau:

* Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty;
* Quyết định chiến lược đầu tư, phát triển của Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua;
* Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng;
* Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm của Công ty trình ĐHĐCĐ;
* Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chương trình cho các cuộc họp ĐHĐCĐ;
* Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty;
* Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

1. Ban kiểm soát

BKS do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 03 thành viên để thực hiện giám sát HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty trong việc quản lý và điều hành Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật về những công việc thực hiện các nhiệm vụ được giao, bao gồm:

* Kiểm tra sổ sách kế toán và các báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
* Trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty, đồng thời có quyền trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của của HĐQT và Ban Giám đốc;
* Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết;
* Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

1. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng Cổ đông về điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Phó Tổng Giám đốc có trách nhiệm giúp đỡ Tổng Giám đốc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban Tổng Giám đốc có nhiệm vụ:

* Tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo nghị quyết, quyết định của HĐQT, nghị quyết của ĐHĐCĐ, Điều lệ Công ty và tuân thủ pháp luật;
* Xây dựng và trình HĐQT các quy chế quản lý điều hành nội bộ, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính hàng năm và dài hạn của Công ty;
* Đề nghị HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng kỷ luật đối với Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng văn phòng đại diện;
* Ký kết, thực hiện các hợp đồng kinh tế, hợp đồng dân sự theo quy định của pháp luật;
* Báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động, kết quả sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm trước HĐQT, ĐHĐCĐ và pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Công ty;
* Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;
* Các nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

1. Các phòng ban chức năng

Nhóm này trực tiếp tiến hành các nghiệp vụ kinh doanh của Công ty. Các Phòng nghiệp vụ gồm có các Trưởng, Phó trưởng phòng trực tiếp điều hành hoạt động kinh doanh của phòng và dưới sự chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc.

1. Các Chi nhánh

Trực tiếp tiến hành các hoạt động sản xuất kinh doanh, xây lắp các công trình, các hoạt động sản xuất kinh doanh theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

1. **Định hướng phát triển**
   1. ***Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:***

* Đầu tư phát triển mở rộng thị trường tại các thành phố lớn và các địa phương đã thiết lập được quan hệ; tăng cường mở rộng các hình thức hợp tác liên doanh, liên kết với các đơn vị có tiềm lực tài chính.
* Hoàn thiện mô hình quản lý tiên tiến từ Công ty đến các đơn vị trực thuộc. Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật nghiệp vụ năng động, có năng lực và trình độ cao, phát triển toàn diện và có uy tín trên thị trường.
* Tích cực chuẩn bị và tham gia vào các dự án trọng điểm của Tổng Công ty Sông Đà, tham gia thị trường bất động sản, đầu tư tài chính vào các công ty có tiềm lực đem lại hiệu quả và lĩnh vực ngành nghề có hiệu quả như: Vật liệu xây dựng, các khu công nghiệp.
* Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất để nâng cao năng suất lao động và hiệu quả sản xuất kinh doanh.
* Tăng cường công tác hạch toán sản xuất kinh doanh, quản lý chặt chẽ các chi phí sản xuất và chi phí quản lý doanh nghiệp, đảm bảo sản xuất kinh doanh có hiệu quả.
* Nâng cao đời sống vật chất, văn hoá, tinh thần cho cán bộ công nhân viên Công ty.
  1. ***Chiến lược phát triển trung và dài hạn:***
* Xây dựng và phát triển Công ty một cách toàn diện, với mục tiêu ngành nghề chiến lược chính là lắp đặt đường dây và trạm biến áp, cung cấp điện nước cho các công trình xây dựng thuỷ điện, khu công nghiệp, nhà cao tầng; Đầu tư xây dựng, cải tạo các khu đô thị, khu công nghiệp; khai thác các dịch vụ đô thị, kinh doanh bất động sản.
* Từng bước phát triển các ngành nghề và sản phẩm mới: sản xuất và kinh doanh các sản phẩm điện năng, vật liệu xây dựng; quản lý kinh doanh bất động sản,…
* Phát huy cao độ mọi nguồn lực để nâng cao năng lực cạnh tranh, không ngừng nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người lao động, đảm bảo mức tăng trưởng lợi nhuận và cổ tức cho các cổ đông.

1. **Các rủi ro:**

* Rủi ro về kinh tế: Môi trường kinh tế với những nhân tố cơ bản như tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái … là yếu tố khách quan nhưng tác động trực tiếp đến sự phát triển của mọi ngành sản xuất, dịch vụ cũng như mọi doanh nghiệp. Do đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của SELCO cũng chịu ảnh hưởng trực tiếp từ những biến động vĩ mô của nền kinh tế.
* Rủi ro về luật pháp: Là một doanh nghiệp Việt Nam, trước hết hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế Thu nhập Doanh nghiệp và Luật Thuế Giá trị gia tăng. Bên cạnh đó là các Luật điều chỉnh hoạt động kinh doanh của các Công ty trong lĩnh vực xây dựng gồm: Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư, Luật Đất đai, Luật Chứng khoán, các Thông tư, Nghị định về Chứng khoán và Thị trường chứng khoán ... Hiện nay, hệ thống pháp luật Việt Nam còn đang trong giai đoạn hoàn thiện để tạo ra một hành lang pháp lý đồng bộ và thống nhất, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và Công ty nói riêng. Tuy nhiên, sự thay đổi trong hệ thống pháp luật có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng sẽ tác động đến kế hoạch phát triển kinh doanh của Công ty.
* Rủi ro về dự án: Đặc thù của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực đầu tư, kinh doanh xây lắp công trình và sản xuất kinh doanh điện là nhu cầu vốn lớn, thời gian thi công các dự án, công trình thường kéo dài, vì thế phải duy trì hệ số nợ cao và thời gian chiếm dụng vốn dài. Những đặc thù của ngành có thể sẽ gây ra rủi ro giảm khả năng thanh toán và giảm lợi nhuận dự kiến khi công ty không thu hồi được các khoản nợ hoặc khách hàng lớn của công ty bị phá sản.
* Rủi ro về cạnh tranh: Hiện nay, trên địa bàn cả nước có nhiều doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây lắp, sản xuất kinh doanh điện. Những doanh nghiệp này đều là đối thủ cạnh tranh trực tiếp của Công ty. Bên cạnh đó, trong quá trình Việt Nam hội nhập kinh tế quốc tế, Công ty cũng sẽ chịu sức ép cạnh tranh từ các tổ chức nước ngoài có tiềm năng to lớn về tài chính, công nghệ và nhân lực đầu tư vào Việt Nam.
* Rủi ro khác: Các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, bão lụt, hoả hoạn, chiến tranh, dịch bệnh, khủng bố ... đều gây ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của Công ty. Bão lớn, hỏa hoạn, động đất có thể gây ảnh hưởng đến các công trình xây dựng như làm chậm tiến độ hoặc gây thiệt hại (phá huỷ một phần hoặc hoàn toàn)...

1. **Tình hình hoạt động trong năm**
2. **Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**

* Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2012:

Trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế đất nước và các đơn vị xây lắp, năm 2012, Công ty cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long đã nỗ lực hoàn thành vượt mức chỉ tiêu tổng giá trị sản xuất kinh doanh với giá trị 332,8/310 tỷ đồng đạt 107% kế hoạch năm tăng 27% so với thực hiện năm 2011. Năm 2012 cũng là năm công ty triển khai thi công và hoàn thành đóng điện bàn giao đúng tiến độ 14/16 công trình cho các chủ đầu tư. Trong đó có nhiều công trình trọng điểm của Quốc gia do Tổng công ty Sông Đà, Tổng công ty truyền tải điện Quốc gia làm chủ đầu tư. Năm 2012, các chỉ tiêu doanh số bán hàng và lợi nhuận hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra. Doanh số bán hàng đạt 354,4/310 KH tỷ đồng đạt 114% kế hoạch năm, tăng 52% so với thực hiện năm 2011. Lợi nhuận đạt 12,85 tỷ đồng đạt 107% kế hoạch năm, tăng 25.3% so với năm 2011.

* Tình hình thực hiện so với kế hoạch năm 2012: (ĐVT: 1.000.000 đồng)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chỉ tiêu** | **Kế hoạch 2012** | **Thực hiện 2012** | **Tỷ lệ hoàn thành** |
| 1 | Giá trị SXKD | 310.000 | 332.894 | 107% |
| 2 | Doanh thu | 281.818 | 328.556 | 117% |
| 3 | Thực hiện đầu t­ư | 28.339 | 935 | 3,3% |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế | 12.000 | 12.851 | 107% |
| 5 | Nộp ngân sách Nhà nước | 17.364 | 13.845 | 80% |
| 6 | Thu nhập bq/CBCNV | 4,8 | 4,8 | 100% |
| 7 | Tỷ lệ chia cổ tức dự kiến | 10% | 10% | 100% |

1. **Tổ chức và nhân sự**
   1. **Danh sách ban điều hành**

* **Ban Tổng Giám đốc**

| **Họ và tên** | **Chức vụ** | **Ngày bổ nhiệm** |
| --- | --- | --- |
| Ông Lê Văn Tuấn | Tổng Giám đốc | 29 tháng 4 năm 2010 |
| Ông Vi Giang Khu | Phó Tổng Giám đốc | 10 tháng 7 năm 2008 |
| Ông Ứng Vũ Thanh | Phó Tổng Giám đốc | 19 tháng 8 năm 2010 |
| Ông Tống Văn Hiếu | Phó Tổng Giám đốc | 01 tháng 10 năm 2012 |

Tóm tắt lý lịch của Ban Tổng Giám đốc:

* ***Ông Lê Văn Tuấn – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty***

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 20/05/1970

Nơi sinh: Hòa Lâm - Ứng Hòa - Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Hòa Lâm - Ứng Hòa - Hà Nội

Địa chỉ thường trú: 2A KTT Sông Đà - Triều Khúc - Tân Triều - Thanh Trì - Hà Nội

Số điện thoại cơ quan: 0422 463 212

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, kỹ sư xây dựng, thạc sỹ QTKD quốc tế

Quá trình công tác:

|  |  |
| --- | --- |
| Tháng 8/1993 - 01/1995: | Nhân viên Cty XL Năng lượng nay là Cty CP Sông Đà 11 |
| Tháng 02/1995 - 01/2005: | Trưởng ban Kinh tế Kế hoạch - CN Công ty Xây lắp Năng lượng tại Yaly, Trưởng P.Kinh tế kế hoạch Cty Năng lượng nay là Cty Sông Đà 11 |
| Tháng 02/2005 - 06/2008: | TV HĐQT Công ty, Phó TGĐ CTCP Sông Đà 11, TV HDQT CTCP Thủy điện Nà Lơi, TV HĐQT CTCP Thủy điện Cao Nguyên – Sông Đà 7. |
| Tháng 07/2008 - 05/2010: | TV HĐQT kiêm Phó TGĐ Công ty CP Sông Đà 11, TV HĐQT Công ty CP Sông Đà 11 Thăng Long, TV HĐQT CTCP Thủy điện Nà Lơi. |
| Tháng 05/2010 - 05/2012: | TV HĐQT CTCP Sông Đà 11, TV HĐQT kiêm TGĐ CTCP Sông Đà 11 Thăng Long, TV HĐQT CTCP Thủy điện Nà Lơi. |
| Tháng 05/2012 - nay: | TV HĐQT kiêm TGĐ CTCP Sông Đà 11 Thăng Long, TV HĐQT CTCP Thủy điện Nà Lơi. |
| Chức vụ hiện nay: | TV HĐQT kiêm TGĐ CTCP Sông Đà 11 Thăng Long, TV HĐQT CTCP Thủy điện Nà Lơi. |

Số cổ phần nắm giữ:

* + Cá nhân nắm giữ: 310.000 cổ phần
  + Đại điện phần vốn của CTCP Sông Đà 11: 468.000 cổ phần
  + Đại điện phần vốn của Tổng Công ty Sông Đà: 150.000 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật: (Không)

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: (Không)

* ***Ông Vi Giang Khu - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty***

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 24/04/1969

Nơi sinh: Phú Xuyên, Đại Từ, Thái Nguyên

Quê quán: Phú Xuyên, Đại Từ, Thái Nguyên

Dân tộc: Tày.

Quốc tịch: Việt Nam.

Địa chỉ thường trú: Đường CMT 8 - Plei Ku - Gia Lai

CMTND/Hộ chiếu: 230777580 do Công an Gia Lai cấp ngày 03/10/2005

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí.

Quá trình công tác:

Từ 1994 -1996: Đội trưởng Công ty XLNL SĐ 11

Từ 1997 -2002: Trưởng ban Kinh tế kỹ thuật Công ty Sông Đà 11

Từ 2003 - 2008: Phó giám đốc Xí nghiệp 11.2 Công ty cổ phần Sông Đà 11

Từ 2008-2010: Giám đốc Xí nghiệp Sông Đà 11.2 Thăng Long Công ty CP SĐ 11 Thăng Long

Từ 2010 đến T4/2011: Phó TGĐ Công ty CP Sông Đà 11 Thăng Long

Từ T4/2011 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ Công ty CP Sông Đà 11 Thăng Long

Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ Công ty CP Sông Đà 11 Thăng Long

Số cổ phần nắm giữ:

* + Cá nhân nắm giữ: 7.400 cổ phần
  + Đại điện phần vốn của CTCP Sông Đà 11: 468.000 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật: (Không)

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: (Không)

* ***Ông Ứng Vũ Thanh - Phó Tổng Giám đốc***

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 26/02/1978

Nơi sinh: Bệnh Viện C – Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Yên Bắc - Duy Tiên - Hà Nam

Địa chỉ thường trú: Nhà 106, Quỳnh Mai, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Số điện thoại liên lạc: 0903.432.728

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

Năm 2001 - 2004: Chuyên viên Phòng Kinh tế - KH Công ty CP Sông Đà 11

Năm 2004 - 2007: Phó Phòng Kinh tế - Kế hoạch Công ty CP Sông Đà 11

Năm 2007 - 2008: Trưởng Phòng Kinh tế - Kế hoạch Công ty CP Sông Đà 11

Năm 2008 - 2009: Phó giám đốc Xí nghiệp 11.3 – Công ty cổ phần Sông Đà 11

Năm 2009 – Tháng 08/2010: TV HĐQT kiêm Phó giám đốc CTCP Xây lắp & Dịch vụ Sông Đà

Tháng 08/2010 - Nay: Phó TGĐ CTCP Sông Đà 11 Thăng Long

Số cổ phần nắm giữ: 36.200 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật: (Không)

* ***Ông Tống Văn Hiếu - Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc CN SĐ11.5TL***

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 11/03/1974

Nơi sinh: Nghĩa Minh, Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Nghĩa Minh, Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thủy lợi

Quá trình công tác:

|  |  |
| --- | --- |
| Từ 09/1998 - 10/2000 | Công tác tại Ban Kỹ thuật - Cơ giới XN Sông Đà 11.1 - Công ty CP Sông Đà 11, tại Thủy điện Cần Đơn |
| Từ 11/2000 - 12/2002 | Phó Trưởng Ban Kỹ thuật - Cơ giới XN Sông Đà 11.1 Công ty Sông Đà 11 tại Thủy điện Cần Đơn |
| Từ 01/2003 - 09/2003 | Trưởng ban Kỹ thuật - Cơ giới XN Sông Đà 11.2- Công ty CP Sông Đà 11, kiêm tổng đội trưởng tổng đội PleyKrong - Kon Tum |
| Từ 09/2003 - 04/2006 | Phó Giám đốc XN Sông Đà 11.2 - Công ty CP Sông Đà 11, phụ trách Công trường thủy điện Eakrong Rou |
| Từ 07/2006 - 06/2008 | Phó Giám đốc XN Sông Đà 11.2 - Công ty CP Sông Đà 11, kiêm tổng đội trưởng tổng đội Xekaman3 - Nước Cộng hòa dân chủ Nhân dân Lào |
| Từ 07/2008 - nay | Giám đốc CN Sông Đà 11.5 Thăng Long |
| Chức vụ hiện nay: | Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc CN Sông Đà 11.5 Thăng Long |
| Số cổ phần nắm giữ: | 0 cổ phần |
| Hành vi vi phạm pháp luật: | Không |

* **Kế toán trưởng: Trần Thanh Giang** Giới tính: Nam

Ngày sinh: 16/06/1977

Nơi sinh: Xã Nghĩa Lạc, Huyện Nghĩa Hưng, Tỉnh Nam Định

Quê quán: Xã Nghĩa Lạc, Huyện Nghĩa Hưng, Tỉnh Nam Định

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: Xã Nghĩa Lạc, Huyện Nghĩa Hưng, Tỉnh Nam Định

CMTND/Hộ chiếu: 162218253 do CA Nam Định cấp ngày 18/12/2008

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0913400958

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán

Quá trình công tác:

|  |  |
| --- | --- |
| Từ 09/2000 - 03/2002 | Kế toán tổng hợp Công ty ĐT&XL Cấp thoát nước (Waseco) - TP.HCM |
| Từ 03/2002 - 11/2002 | Kế toán tổng hợp Xí nghiệp xây lắp Cấp thoát nước 202 - Nha Trang |
| Từ 11/2002 - 12/2005 | Trưởng phòng Tài chính - Kế toán Xí nghiệp xây lắp Cấp thoát nước 202 - Nha Trang |
| Từ 12/2005 - 06/2008 | UVHĐQT, Kế toán trưởng Công ty CP Đầu tư & Xây lắp cấp thoát nước 12 (VIWASEEN -12) |
| Từ 06/2008 - 09/2008 | Kế toán tổng hợp Công ty cổ phần Sông Đà 11 |
| Từ 09/2008 - 05/2010 | Phó Kế toán trưởng Công ty cổ phần Sông Đà 11 |
| Từ 05/2010 - nay | Kế toán trưởng Công ty CP Sông Đà 11 Thăng Long |
| Chức vụ hiện nay: | Kế toán trưởng - CTCP Sông Đà 11 Thăng Long |
| Số cổ phần nắm giữ: | 25.100 cổ phần |
| Hành vi vi phạm pháp luật: | Không |

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: (Không)

* 1. **Công tác nhân sự**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 Công ty có 413 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 434 nhân viên).

Trong năm, Công ty đã thực hiện việc điều chỉnh lại công tác quy hoạch cán bộ chủ chốt Công ty và cán bộ quản lý các đơn vị trực thuộc giai đoạn từ năm 2011 - 2015, hoàn thiện toàn bộ đề án tái cấu trúc quản trị doanh nghiệp giai đoạn 2013 - 2015 và định hướng từ đến năm 2020.

Sắp xếp kiện toàn các phòng ban và đơn vị trực thuộc, định biên lại toàn bộ đội ngũ cán bộ gián tiếp gồm 110 người. Giải thể đội xây lắp số 1 trực thuộc công ty, thành lập Tổng đội điện nước tại công trình thuỷ điện Đồng Nai 5 trực thuộc Chi nhánh Sông Đà 11.2 Thăng Long.

1. **Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án**
   1. **Các khoản đầu tư lớn:**

Trong năm 2012, tình hình tài chính của Công ty gặp nhiều khó khăn do khó khăn chung của nền kinh tế đất nước, khả năng tiếp cận vốn vay các Ngân hàng và các tổ chức tài chính bị hạn chế, lãi suất cao nên thu hẹp triển khai đầu tư. Tổng giá trị đầu tư trong năm là: 935 triệu đồng. Các dự án xây dựng trụ sở Chi nhánh Sông Đà 11.2 Thăng Long, 11.5 Thăng Long mới chỉ dừng lại khâu xây dựng phương án. Riêng đối với dự án trụ sở Chi nhánh Sông Đà 11.2 Thăng Long chỉ triển khai làm kho xưởng phục vụ bảo quản vật tư thu hồi tại các công trình và gia công vật tư với giá trị triển khai trong năm là 200 triệu đồng. Đối với dự án thuỷ điện To Buông đã tạm dừng triển khai từ năm 2011 để tìm kiếm nguồn vốn tín dụng tài trợ cho dự án.

* 1. **Công ty liên kết:**
* ***Công ty cổ phần thủy điện To Buông***
  + Địa chỉ: Bản Tin Tốc, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La;
  + Giá trị đầu tư: 10.300.000.000 đồng;
  + Số lượng cổ phần đã góp: 785.000 cổ phần chiếm tỷ lệ 13,08% vốn điều lệ;
  + Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất truyền tải và phân phối điện (Chi tiết: Sản xuất kinh doanh điện năng; xây dựng, lắp đặt, vận hành và sửa chữa các nhà máy thủy điện vừa và nhỏ); Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (Chi tiết: Xây lắp các công trình điện, lưới và trạm có cấp điện áp đến 500kV; Xây dựng các công trình viễn thông công cộng; công trình công nghiệp và dân dụng.
* ***Công ty cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11***
  + Địa chỉ: Lô 74-76C, KP3, P. Long Bình Tân, TP Biên Hòa, Đồng Nai
  + Giá trị đầu tư: 3.000.000.000 đồng;
  + Số lượng cổ phần năm giữ: 300.000 cổ phần chiếm tỷ lệ 10,6% vốn điều lệ;
  + Ngành nghề kinh doanh: Xây dựng khu đô thị, khu công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, đường dây và TBA đến 500kV, hệ thống điện, cấp thoát nước, điều hòa không khí, thông gió. Mua, bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất. Đầu tư xây dựng khu đô thị, khu công nghiệp. Kinh doanh các dịch vụ phục vụ đô thị.

1. **Tình hình tài chính**
   1. **Tình hình tài chính**

*ĐVT: VND*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chỉ tiêu** | **Năm 2012** | **Năm 2011** | **Chênh lệch** | |
| **Số tiền** | **Tỷ lệ** |
| 1 | Tổng giá trị tài sản | 283.416.875.773 | 262.632.609.057 | 20.784.266.716 | 7,91% |
| 2 | Doanh thu thuần | 327.279.128.007 | 213.185.780.552 | 114.093.347.455 | 53,52% |
| 3 | Lợi nhuận từ HĐKD | 13.102.960.724 | 10.821.085.034 | 2.281.875.690 | 21,09% |
| 4 | Lợi nhuận khác | -251.698.882 | -564.722.407 | 313.023.525 | 55,43% |
| 5 | Lợi nhuận trước thuế | 12.851.261.842 | 10.256.362.627 | 2.594.899.215 | 25,30% |
| 6 | Lợi nhuận sau thuế | 10.494.805.318 | 8.176.869.420 | 2.317.935.898 | 28,35% |
| 7 | Tỷ lệ chia cổ tức (dự kiến) | 10% | 10% |  |  |

* 1. **Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chỉ tiêu** | **Năm 2012** | **Năm 2011** |
|
| 1 | Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán |  |  |
| - | Hệ số thanh toán ngắn hạn | 1,190 | 1,187 |
| - | Hệ số thanh toán nhanh | 0,902 | 0,773 |
| 2 | Chỉ tiêu về cơ cấu vốn |  |  |
| - | Hệ số nợ/Tổng tài sản | 0,741 | 0,739 |
| - | Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu | 2,857 | 2,836 |
| 3 | Chỉ tiêu về năng lực hoạt động |  |  |
| - | Vòng quay hàng tồn kho | 4,111 | 2,654 |
| - | Doanh thu thuần/Tổng tài sản | 1,155 | 0,812 |
| 4 | Chỉ tiêu về khả năng sinh lời |  |  |
| - | Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | 0,032 | 0,038 |
| - | Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | 0,143 | 0,119 |
| - | Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | 0,037 | 0,031 |
| - | Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | 0,040 | 0,051 |

1. **Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn chủ sở hữu**
   1. **Cổ phần**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Chỉ tiêu** | **Số lượng**  **(cổ phần)** |
|
| 1 | Tổng số cổ phần phát hành | 5.000.000 |
| 2 | Tổng số cổ phần đang lưu hành | 4.850.000 |
| 3 | Tổng số cổ phần tự do chuyển nhượng | 4.850.000 |
| 4 | Tổng số cổ phần hạn chế chuyển nhượng (Cổ phần góp bằng thương hiệu của Tổng Công ty Sông Đà) | 150.000 |

* 1. **Cơ cấu cổ đông**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Số lượng (cổ phần)** | **Tỷ lệ (%)** |
| **I** | **Phân theo tỉ lệ sở hữu** |  |  |
| ***1*** | ***Cổ đông lớn*** | ***2.110.000*** | 42,20% |
| - | Công ty Cổ phần Sông Đà 11 | 1.800.000 | 36,00% |
| - | Lê Văn Tuấn | 310.000 | 6,20% |
| ***2*** | ***Cổ đông nhỏ*** | ***2.890.000*** | 57,80% |
| **II** | **Phân theo cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân** |  |  |
| ***1*** | ***Cổ đông tổ chức*** | ***1.950.000*** | 39,00% |
| - | Tổng Công ty Sông Đà | 150.000 | 3,00% |
| - | Công ty Cổ phần Sông Đà 11 | 1.800.000 | 36,00% |
| ***2*** | ***Cổ đông cá nhân*** | ***3.050.000*** | 61,00% |
| **III** | **Phân theo cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài** |  |  |
| ***1*** | ***Cổ đông trong nước*** | ***4.953.500*** | 99,07% |
| ***2*** | ***Cổ đông nước ngoài*** | ***46.500*** | 0,93% |
| **IV** | **Phân theo cổ đông nhà nước và cổ đông khác** |  |  |
| ***1*** | ***Cổ đông nhà nước*** | ***150.000*** | 3,00% |
| - | Tổng Công ty Sông Đà | 150.000 | 3,00% |
| ***2*** | ***Cổ đông khác*** | ***4.850.000*** | 97,00% |
|  | **TỔNG SỐ CỔ PHẦN** | **5.000.000** |  |

* 1. **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không**
  2. **Giao dịch cổ phiếu quỹ: không**
  3. **Các chứng khoán khác: không**

1. **Báo cáo đánh giá của Ban Tổng giám đốc**
2. **Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:**

* **Phân tích tổng quan về hoạt động SXKD của Công ty:**

Trong năm 2012, hoạt động SXKD của Công ty đã đạt kết quả tốt, hầu hết các chỉ tiêu đều hoàn thành vượt mức kế hoạch và tăng trưởng cao so với năm 2011:

* + Giá trị sản lượng 332,894 tỷ đồng, đạt 107% KH năm 2012 và bằng 127% so với năm 2011;
  + Doanh thu thuần 327,279 tỷ đồng, đạt 117% KH năm 2012 và bằng 153,52% so với năm 2011;
  + Lợi nhuận trước thuế 12,851 tỷ đồng, đạt 107% KH năm 2012 và bằng 125,3% so với năm 2011;
  + Thực hiện đầu tư đạt 0,935 tỷ đồng;
  + Nộp ngân sách Nhà nước đạt 13,845 tỷ đồng.
* **Những Kết quả Công ty đạt được trên từng lĩnh vực hoạt động chủ yếu:**
* ***Công tác tiếp thị đấu thầu:***

Trong năm qua đơn vị đã tham gia đấu thầu 24 công trình trong đó trúng thầu 5 công trình đạt tỷ lệ 117%. Số lượng công trình chờ kết quả là 12 công trình. Công tác tiếp thị đấu thầu đã thực hiện tốt sự phối kết hợp trong công tác lập HSDT giữa các phòng và các đơn vị chặt chẽ hiệu quả cao. Thực hiện xây dựng đầy đủ bộ hồ sơ năng lực công ty đáp ứng được yêu cầu các công trình lớn, công trình EPC đòi hỏi năng lực và kinh nghiệm cao.

* ***Công tác quản lý kỹ thuật, chất lượng và an toàn lao động:***
  + Công tác quản lý kỹ thuật, chất lượng:

Công tác tham mưu lãnh đạo chỉ đạo, điều hành, quản lý tiến độ thi công, cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ tại các công trường.

Thực hiện giải quyết các vướng mắc về công tác kỹ thuật và các giải pháp thực hiện tối ưu tại các công trình như TBA Hồng Hà, Đường dây 110kV Seo chong ho, biện pháp tối ưu lắp đặt hệ thống cấp điện thi công tại công trình thuỷ điện Đồng Nai 5.

Công tác lập hồ sơ hoàn công nghiệm thu thanh toán đã được thực hiện tốt đúng qui trình được chủ đầu tư chấp nhận giảm bớt được thời gian thu hồi vốn.

Duy trì, thực hiện nghiêm túc công tác lập hồ sơ thi công của tất cả các công trình trước khi triển khai thi công đảm bảo tiến độ và biện pháp an toàn lao động.

Đã thực hiện việc kiểm tra giám sát, và quản lý chất lượng tiến độ và nhiệm thu nội bộ ở các công trình theo đúng quy định của công ty và Chủ đầu tư.

Duy trì hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2008, tiến hành đánh giá nội bộ theo kế hoạch năm tại CQCT và các đơn vị. Thực hiện khắc phục những tồn tại trong công tác quản lý.

* + Công tác bảo hộ và an toàn lao động:

Thực hiện tốt công tác an toàn và bảo hộ lao động, phòng chống cháy nổ, thực hiện tốt công tác vệ sinh công nghiệp. Năm 2012 không để xảy ra trường hợp tai nạn lao động.

Công tác bảo hộ lao động đã đi vào nề nếp, thực hiện việc huấn luyện công tác an toàn vệ sinh lao động đến các đơn vị. Duy trì chế độ trang bị an toàn, thực hiện cấp phát trang thiết bị BHLĐ đến từng công nhân và cử cán bộ theo dõi chỉ đạo thực hiện công tác an toàn bảo hộ lao động toàn Công ty. Công tác lập biện pháp an toàn trước khi thi công công trình được thực hiện nghiêm túc.

Công tác huấn luyện an toàn được các đơn vị quan tâm chú trọng thực hiện đầy đủ.

Quản lý vật tư vật liệu, nhiên liệu thiết bị xe máy: Đảm bảo cung cấp vật tư vật liệu máy móc thiết bị cho các công trình đảm bảo tiến độ đề ra. Đảm bảo an toàn thiết bị xe máy trong quá trình thi công. Công nhân vận hành xe máy thiết bị đều được kiểm tra sát hạch về tay nghề, quy trình vận hành, quy định an toàn lao động mới được tham gia vận hành thiết bị. Thường xuyên đôn đốc và hướng dẫn các đơn vị trực thuộc thực hiện các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tăng tuổi thọ của thiết bị xe máy, đảm bảo an toàn trong thi công. Kịp thời cân đối điều động xe máy, thiết bị đáp ứng yêu cầu tiến độ thi công các công trường, hồ sơ được bàn giao tuân thủ đúng quy định của Công ty.

* ***Công tác kinh tế, kế hoạch:***

*+ Công tác xây dựng và báo cáo kế hoạch*: Công tác kế hoạch cơ bản đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành. Thực hiện theo đúng quy định áp dụng theo hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 đối với công tác kế hoạch. Hàng tháng, quý tiến hành giao kế hoạch và báo cáo thực hiện sát với tình hình thực tế.

Thực hiện nghiêm túc việc ký phụ lục hợp đồng thuê Giám đốc điều hành các đơn vị trực thuộc giữa Tổng giám đốc với Giám đốc các đơn vị trực thuộc.

*+ Công tác kinh tế:* Giải quyết triệt để các vướng mắc về kinh tế, trình duyệt dự toán thi công, bù giá điện, nhân công tại công trình thủy điện Xekaman 3; công tác trực tiếp phí khác, giá điện, dự toán vận hành hệ thống máy phát dự phòng thuỷ điện Đồng Nai 5, thuỷ điện Xekaman 1 đảm bảo hiệu quả chung.

Cung cấp kịp thời vật tư cho các công trình về cơ bản đáp ứng được yêu cầu SXKD.

Trong năm qua đã ký kết 04 hợp đồng xây lắp với giá trị 450,5 tỷ đồng, 38 hợp đồng mua bán vật tư với giá trị 46,34 tỷ đồng. Công tác ký kết và quản lý hợp đồng đã ký kết từ Công ty đến các đơn vị đảm bảo đúng trình tự quy định luật pháp của nhà nước và của Công ty.

Thực hiện triệt để quản lý kế hoạch giá thành làm cơ sở cho các đơn vị triển khai thực hiện.

* ***Công tác quản lý tài chính, tín dụng và kế toán:***

Xây dựng các kế hoạch tín dụng ngắn hạn, trung hạn và dài hạn. Đàm phán và ký kết các Hợp đồng tín dụng với các tổ chức tài chính tín dụng đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động SXKD. Trong năm 2012 đã trình lãnh đạo công ty ký hạn mức vay vốn và bảo lãnh với Ngân hàng Công thương 130 tỷ đồng, ngân hàng Nông nghiệp Láng Hạ 80 tỷ đồng.

Xây dựng và tổ chức thu hồi vốn từ các đơn vị tới Công ty đảm bảo kế hoạch trả nợ tín dụng trong năm 2012 không để nợ quá hạn và thanh toán lãi cho Ngân hàng kịp thời và đầy đủ, được các tổ chức tín dụng đánh giá là khách hàng tiềm năng và uy tín.

Xác định mức vốn lưu động và các nguồn vốn đảm bảo cho nhu cầu sản xuất kinh doanh của đơn vị. Huy động kịp thời các nguồn vốn sẵn có vào sản xuất kinh doanh. Tiết kiệm chi phí, tăng lợi nhuận, tăng tích luỹ nội bộ.

Tổ chức tuần hoàn chu chuyển vốn, thu hồi vốn, thu hồi công nợ và điều hoà linh hoạt các nguồn vốn đúng chính sách, chế độ của nhà nước.

Tổ chức kiểm tra kiểm soát các đơn vị trực thuộc trong việc sử dụng vốn, các nguồn và việc thực hiện các quy định của Nhà nước, của Công ty về định mức chi phí, dự toán trong sản xuất kinh doanh

Tăng cường công tác hạch toán kinh doanh, thực hành chính sách tiết kiệm, kiểm soát chặt chẽ tình hình tài chính, cân đối xử lý một số công trình lỗ do chi phí giá thành thực tế vượt đầu thu. Đảm bảo được mức lợi nhuận năm 12,85 tỷ đồng.

Thực hiện tổ chức kiểm tra công tác kinh tế, tài chính tại các đơn vị trực thuộc trong 6 tháng đầu năm nhằm khắc phục những sai sót, nâng cao công tác quản lý và điều hành sản xuất (có biên bản kiểm tra chi tiết từng đơn vị).

Hầu hết các công trình thi công đã tổ chức nghiệm thu, lên phiếu giá và thu hồi vốn triệt để đảm bảo việc luân chuyển vốn cho hoạt động SXKD của Công ty; giá trị dở dang toàn công ty đến thời điểm 31/12/2012 còn 64,13 tỷ đồng.

1. **Tình hình tài chính**
   1. **Tình hình tài sản**

Tổng tài sản năm 2012 so với năm 2011 tăng 20,784 tỷ đồng, tăng 7,91%. Trong đó:

* Tiền và các khoản tương đương tiền tăng 4,625 tỷ đồng, tăng 25,61% so với cuối năm 2011 do cuối năm 2012 Công ty đã đẩy mạnh công tác thu vốn, hoàn thành kế hoạch thu tiền về tài khoản;
* Phải thu của khách hàng tăng 34,269 tỷ đồng, tăng 32,41% so với năm 2011 do tại thời điểm Quý 4 năm 2012 Công ty đã hoàn thành tiến độ của hàng loạt các công trình bàn giao cho Chủ đầu tư.
  1. **Tình hình nợ phải trả**

Tổng Nợ phải trả năm 2012 so với năm 2011 tăng 15,780 tỷ đồng, tăng 8,13%. Trong đó:

* Vay và nợ ngắn hạn tăng 1,913 tỷ đồng, tăng 3,08% so với năm 2011;
* Phải trả người bán tăng 13,172 tỷ đồng, tăng 28,31% so với năm 2011;
* Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tăng 3,700 tỷ đồng, tăng 34,67% so với năm 2011;
* Phải trả người lao động tăng 2,726 tỷ đồng, tăng 25,3% so với năm 2011.

Trong năm 2012, chi phí lãi vay của Công ty giảm 3,343 tỷ đồng, giảm 25,83% so với năm 2011.

1. **Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**

Thực hiện việc điều chỉnh lại công tác quy hoạch cán bộ chủ chốt Công ty và cán bộ quản lý các đơn vị trực thuộc giai đoạn từ năm 2011 - 2015.

Đã hoàn thiện toàn bộ đề án tái cấu trúc quản trị doanh nghiệp giai đoạn 2013 – 2015 và định hướng từ đến năm 2020.

Sắp xếp kiện toàn các phòng ban và đơn vị trực thuộc, định biên lại toàn bộ đội ngũ cán bộ gián tiếp gồm 110 người. Giải thể đội xây lắp số 1 trực thuộc công ty, thành lập Tổng đội điện nước tại công trình thuỷ điện Đồng Nai 5 trực thuộc CN Sông Đà 11.2 Thăng Long.

Về công tác cán bộ: Đã bổ nhiệm 01 Đ/c giữ chức vụ Phó tổng giám đốc, 01 Đ/C Giám đốc CN Sông Đà 11.1 Thăng Long, 03 Đ/C Phó giám đốc Chi nhánh, 03 Trưởng ban chuyên môn nghiệp vụ tại các đơn vị trực thuộc;

1. **Kế hoạch phát triển trong tương lai:**
   1. **Kế hoạch SXDK năm 2013**

* Tổng giá trị SXKD : 320 tỷ đồng
  + Trong đó: Giá trị xây lắp : 307,5 tỷ đồng
  + Giá trị kinh doanh khác : 12,5 tỷ đồng
* Doanh số bán hàng: : 320 tỷ đồng
* Doanh thu : 290 tỷ đồng
* Nộp ngân sách : 13,505 tỷ đồng
* Lợi nhuận : 12 tỷ đồng
* Tổng số CBCNV : 600 người
* Thu nhập BQ CBCNV là : 4,9 triệu đồng/tháng
* Giá trị trúng thầu : 250 tỷ đồng
* Tỷ lệ chia cổ tức : 10%
  1. **Mục tiêu tiến độ các công trình năm 2013**
* Hoàn thành bàn giao công trình đường dây 500kV Vĩnh Tân – Sông Mây vào tháng 7/2013.
* Hoàn thành bàn giao đóng điện đường dây 22kV giai đoạn II thuỷ điện Đồng Nai 5 trong tháng 4/2013.
* Đẩy nhanh tiến độ thi công một số công trình như: ĐZ 500kV Pleiku - Mỹ Phước - Cầu Bông, công trình ĐZ 500kV Quảng Ninh - Mông Dương, công trình Toà nhà Quốc hội theo đúng tiến độ cam kết nhằm nâng cao thương hiệu với chủ đầu tư.
* Quản lý vận hành tốt hệ thống điện nước tại các công trình như: Xekaman 1, Xekaman 3, Đồng Nai 5...

1. **Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**
2. **Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty**

Năm 2012, tiếp tục là một năm còn gặp rất nhiều khó khăn, do nền kinh tế thế giới vẫn trong tình trạng khủng hoảng và suy thoái. Đối với nền kinh tế Việt Nam, năm 2012 là một năm hết sức khó khăn, hàng tồn kho bất động sản tăng cao dẫn đến nợ xấu của các tổ chức tín dụng lớn. Do vậy, rất nhiều Ngân hàng thương mại đang phải tái cấu trúc lại hệ thống quản lý, điều hành, dẫn đến các Doanh nghiệp rất khó tiếp cận nguồn vốn vay tín dụng. Đứng trước tình hình trên Hội đồng quản trị Công ty đã rất linh hoạt cùng với Ban Tổng Giám đốc đưa ra nhiều giải pháp tháo gỡ và chỉ đạo kịp thời trong các mặt quản lý, điều hành. Như vậy, trong năm 2012 Công ty đã đạt được những kết quả sau:

* Công ty đã hoạt thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012.
* Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 ngày 24/4/2012 theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
* Quyết định ngày 28/12/2012 là ngày đăng ký cuối cùng chốt dánh sách cổ đông nhận cổ tức năm 2011 và ngày 28/02/2013 là ngày chi trả cổ tức năm 2011.
* Bên cạnh đó HĐQT đó chỉ đạo sát sao công tác thực hành tiết kiệm các mặt chi phí SXKD; qua kiểm tra và đánh giá thì trong năm 2012 toàn Công ty đã chi phí thực tế là 18.396.075.348 đồng/20.291.885.428 đồng theo tổng dự toán cả năm, như vậy đã thực hiện tiết giảm được 9,34% chi phí quản lý doanh nghiệp so với dự toán đó được HĐQT Công ty phê duyệt.

1. **Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của ban Tổng giám đốc Công ty**
   1. **Những tiến bộ Ban Tổng giám đốc đạt được:**

* Tình hình thực hiện mục tiêu tiến độ các công trình: Đã hoàn thành và bàn giao đúng tiến độ cho chủ đầu tư đưa vào vận hành, khai thác sử dụng 14/16 công trình như: Lắp đặt, thí nghiệm và hiệu chỉnh NM thủy điện Xêkaman3 và Trạm OPY, TBA 220 KV Thuận An - Bình Dương, TBA 4000 KVA Văn Phòng phẩm Hồng Hà, TBA 110 KV Ý Yên - Nam Định, ĐZ 22 KV giai đoạn 2 thủy điện Xêkaman 1- Lào, ĐZ 22 KV giai đoạn 1 thủy điện Đồng Nai 5, ĐZ 110 kV Kiên Lương - Hà Tiên, ĐZ 220 KV Hủa Na - Thanh Hóa, ĐZ 110 KV thủy điện Séo Chung Hô, ĐZ 220 KV Vũng Áng – Hà Tĩnh, ĐZ 220 KV Đăk Nông - Bình Long…. Song song với công tác xây lắp, các đơn vị luôn đảm bảo an toàn và vận hành tốt hệ thống điện, nước phục vụ thi công những công trình trọng điểm của Tổng Công ty Sông Đà tại các công trình thủy điện Xêkaman1, Xêkaman3 và thủy điện Đồng Nai 5.
* Thực hiện việc điều chỉnh lại công tác quy hoạch cán bộ chủ chốt Công ty và cán bộ quản lý các đơn vị trực thuộc giai đoạn từ năm 2011 - 2015.
* Đã ký kết phụ lục hợp thuê Giám đốc điều hành các đơn vị trực thuộc.
* Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông năm tài chính 2011 và kết thúc trong tháng 4/2012.
* Đã hoàn thiện toàn bộ đề án tái cấu trúc quản trị doanh nghiệp giai đoạn 2013 - 2015 và định hướng đến năm 2020.
* Công tác kế toán - tài chính: Trong năm 2012 Công ty đã có nhiều cố gắng trong công tác đàm phán và ký kết các hợp đồng tín dụng và bảo lãnh với các tổ chức tài chính tín dụng đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động SXKD.
* Công tác đầu tư: Việc xây dựng kế hoạch đầu tư năm 2012 của Công ty từ đầu năm chưa lường hết những khó khăn trong việc huy động vốn, do việc thắt chặt tín dụng đã ảnh hưởng trực tiếp đến việc huy động vốn cho các dự án. Tổng giá trị đầu tư năm 2012 đạt rất thấp 0,935 tỷ đạt 3,3% kế hoạch năm (28,339 tỷ đồng).
  1. **Một số tồn tại trong quá trình điều hành và giải pháp thực hiện**
* Mặc dù tiến độ thi công của hầu hết các công trình đều đảm bảo đúng tiến độ đề ra. Tuy nhiên tại những công trình trọng điểm, trong đó điển hình là công trình ĐZ 220 KV Đăk Nông - Bình Long, các đơn vị được giao nhiệm vụ ngay từ thời gian đầu vẫn còn chủ quan chưa chuẩn bị tốt các phương án tối ưu trong tổ chức thi công; cho nên giai đoạn nước rút đã bị động, lúng túng trong tổ chức, điều hành thi công, dẫn đến tăng các chi phí.
* Việc cung ứng vật tư và thiết bị đôi khi vẫn còn thiếu kịp thời, chưa đồng bộ; đặc biệt là vật tư A cấp, bộ phận tiếp nhận kiểm đếm thiếu chặt chẽ về mẫu mã, chủng loại cũng phần nào ảnh hưởng tới mục tiêu tiến độ của một số công trình.
* Trong năm 2012, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết liệt chỉ đạo các đơn vị tập trung mọi điều kiện để thu hồi vốn và công nợ. Tuy nhiên, mốt số công trình chậm lên hồ sơ thanh quyết toán như: CT Bình Điền, CT Văn Khê, CT Iahrung, Đồng Nai 5 cùng với tiến độ giải ngân của các Chủ đầu tư chậm, kéo dài thời gian thanh toán; đặc biệt là các CT thủy điện Xekaman1, Xekaman3, HH 2 Bắc Hà. Vì vậy, tính đến hết 31/12/2012 giá trị dở dang và công nợ còn rất cao: 204,125 tỷ đồng. Trong đó giá trị dở dang 64,134 tỷ đồng.
* Công tác theo dõi thiết bị, xe máy tuy đã có chuyển biến tích cực, song trong quá trình quản lý vẫn chưa tốt.
* Về quản lý vật tư: Một số công trình vẫn còn để xẩy ra hiện tượng mất mát vật tư, vật liệu thi công, do công tác bảo vệ và quản lý chưa được coi trọng; những cán bộ, cá nhân được phân giao nhiệm vụ chưa nâng cao hết được vai trò, ý thức trách nhiệm .
* Công tác huy động vốn từ các tổ chức tín dụng, ngân hàng do vướng nhiều rào cản về cơ chế; vì vậy chưa đáp ứng kịp thời nguồn tài chính phục vụ SX thi công cho các công trình;

Để khắc phục sớm những tồn tại trên, tránh kéo dài thời gian và rút ra bài học kinh nghiệm. Hội đồng quản trị Công ty yêu cầu Tổng Giám đốc Công ty chỉ đạo quyết liệt và có các biện pháp mạnh nhằm chấn chỉnh, khắc phục kịp thời; ngay từ đầu năm cần tập trung chỉ đạo quyết liệt, chủ động đưa ra các giải pháp đồng bộ trong tổ chức, quản lý, điều hành thi công, nhằm hoàn thành mục tiêu tiến độ các công trình. Tập trung đôn đốc và tìm mọi giải pháp để nghiệm thu thanh toán và thu hồi vốn, công nợ, quyết toán với các Chủ đầu tư đối với các công trỡnh đó hết thời gian bảo hành.

1. **Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**
   1. **Định hướng phát triển của Công ty**

* Xây dựng và phát triển Công ty một cách toàn diện, với mục tiêu ngành nghề chiến lược chính là lắp đặt đường dây và trạm biến áp, cung cấp điện nước cho các công trình xây dựng thuỷ điện, khu công nghiệp, nhà cao tầng; Đầu tư xây dựng, cải tạo các khu đô thị, khu công nghiệp; khai thác các dịch vụ đô thị, kinh doanh bất động sản.
* Từng bước phát triển các ngành nghề và sản phẩm mới: sản xuất và kinh doanh các sản phẩm điện năng, vật liệu xây dựng; quản lý kinh doanh bất động sản,…
* Phát huy cao độ mọi nguồn lực để nâng cao năng lực cạnh tranh, không ngừng nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người lao động, đảm bảo mức tăng trưởng lợi nhuận và cổ tức hàng năm.
  1. **Mục tiêu của Công ty đến năm 2015**
* Phấn đấu giá trị SXKD đảm bảo tốc độ phát triển bình quân hàng năm 10 - 15%.
* Dự kiến tổng giá trị SXKD đến năm 2015 đạt trên 400 tỷ đồng.
* Doanh thu bình quân hàng năm trên 300 tỷ đồng.
* Lợi nhuận bình quân năm trên 15 tỷ đồng
* Vốn điều lệ đến năm 2015: 80 tỷ đồng
* Thu nhập bình quân người/tháng khoảng 5,24 triệu đồng/người/tháng
* Đảm bảo mức cổ tức hàng năm từ 15 - 16%.
* Dự kiến cơ cấu ngành nghề SXKD đến năm 2015:
  + Giá trị kinh doanh xây lắp: Chiếm khoảng 73,53% tổng giá trị SXKD.
  + Giá trị kinh SX công nghiệp: Chiếm khoảng 8,8% trong tổng giá trị SXKD.
  + Giá trị kinh doanh điện nước và PVXL: Chiếm khoảng 2,9% trong tổng giá trị SXKD.
  + Giá trị sản xuất điện thương phẩm: Chiếm khoảng 14,8% trong tổng giá trị SXKD.

1. **Quản trị Công ty**
2. **Hội đồng quản trị**
   1. **Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Họ và tên** | **Chức vụ** | **Ngày bổ nhiệm** | **Số lượng cổ phần**  **có quyền biểu quyết** | | **Ghi chú** |
| **Sở hữu**  **cá nhân** | **Đại diện**  **vốn góp** |
| Ông Nguyễn Bạch Dương | Chủ tịch | 26/04/2011 | 18.000 | 576.000 | Thành viên không điều hành |
| Ông Lê Văn Tuấn | Uỷ viên kiêm Tổng Giám đốc | 04/07/2008 | 310.000 | 618.000 |  |
| Ông Trần Văn Ngư | Uỷ viên | 04/07/2008 | 25.000 | - | Thành viên không điều hành |
| Ông Vi Giang Khu | Uỷ viên kiêm  Phó Tổng Giám đốc | 26/04/2011 | 7.400 | 468.000 |  |
| Ông Nguyễn Trí Dũng | Uỷ viên | 04/07/2008 | - | - | Thành viên không điều hành |
| **Tổng cộng** | | | **360.400** | **1.662.000** |  |

* 1. **Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:**

Đến thời điểm 31/12/2012, Công ty CP Sông Đà 11 Thăng Long chưa thành lập tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị.

* 1. **Hoạt động của Hội đồng quản trị:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Thành viên HĐQT** | **Chức vụ** | **Số buổi họp**  **tham dự** | **Tỷ lệ** | **Lý do không tham dự** |
| 1 | Ông Nguyễn Bạch Dương | Chủ tịch HĐQT | 04 | 100% |  |
| 2 | Ông Lê Văn Tuấn | UV. HĐQT kiêm TGĐ | 04 | 100% |  |
| 3 | Ông Nguyễn Trí Dũng | UV.HĐQT | Không  trực tiếp  thạm dự |  | Đi công tác, họp thông qua điện thoại, Email |
| 4 | Ông Vi Giang Khu | UV.HĐQT kiêm P.TGĐ | 04 | 100% |  |
| 5 | Ông Trần Văn Ngư | UV. HĐQT | 04 | 100% |  |

* Trong năm 2012, HĐQT đã ban hành 32 Nghị quyết để Ban Tổng Giám đốc làm căn cứ triển khai thực hiện các hoạt động SXKD;
* Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT Công ty tham gia các cuộc họp giao ban để nắm bắt tình hình, đồng thời có những ý kiến chỉ đạo trực tiếp tại cuộc họp. Các thành viên HĐQT luôn nắm bắt rõ tình hình hoạt động SXKD của công ty thông qua cuộc gặp gỡ trao đổi giữa Ban Tổng giám đốc và HĐQT, các báo cáo bằng văn bản, các cuộc trao đổi bằng điện thoại, email với thông tin kịp thời;
* Giám sát công tác chỉ đạo và điều hành SXKD.
  1. **Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành:**
* Tổ chức phân công nhiệm vụ cho các thành viên phụ trách theo các lĩnh vực hoạt động.
* Ký các nghị quyết, quyết định và các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị để thực hiện trong Công ty.
* Theo dõi, kiểm tra đôn đốc việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.
* Triệu tập và chủ toạ Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của HĐQT.
  1. **Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về Quản trị công ty:**

Đã có 08 chứng chỉ quản trị Công ty.

1. **Ban kiểm soát**
   1. **Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Họ và tên** | **Chức vụ** | **Ngày bổ nhiệm** | **Số lượng cổ phần**  **có quyền biểu quyết** | | **Ghi chú** |
| **Sở hữu**  **cá nhân** | **Đại diện**  **vốn góp** |
| Ông Khương Văn Nhiệm | Trưởng ban | 16/04/2010 | 1.000 | 174.600 |  |
| Ông Nguyễn Như Thức | Thành viên | 04/07/2008 | 12.500 | 113.400 |  |
| Ông Phạm Văn Ngữ | Thành viên | 12/05/2009 | 5.000 | - |  |
| **Tổng cộng** | | | **18.500** | **288.000** |  |

* 1. **Hoạt động của Ban kiểm soát**
* Kiểm soát việc ban hành các văn bản quản lý nội bộ.
* Kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012.
* Kiểm tra tình hình thực hiện các dự án đầu tư năm 2012.
* Thẩm tra báo cáo tài chính các quý và cả năm 2012.
* Kiểm tra tình hình thực hiện các nghị quyết, quyết định, các quy chế quy định của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty.

1. **Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát**
   1. **Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích**

* Thù lao trong năm 2012:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **HỌ VÀ TÊN** | **CHỨC DANH** | **THÙ LAO 01 THÁNG** | **THÙ LAO NĂM 2012** | **GHI CHÚ** |
|
| **I** | **Hội đồng quản trị** |  | **21.500.000** | **258.000.000** |  |
| - | Nguyễn Bạch Dương | CT. HĐQT | 5.500.000 | 66.000.000 |  |
| - | Lê Văn Tuấn | TV. HĐQT | 4.000.000 | 48.000.000 |  |
| - | Nguyễn Trí Dũng | TV. HĐQT | 4.000.000 | 48.000.000 |  |
| - | Trần Văn Ngư | TV. HĐQT | 4.000.000 | 48.000.000 |  |
| - | Vi Giang Khu | TV. HĐQT | 4.000.000 | 48.000.000 |  |
| **III** | **Ban kiểm soát** |  | **9.000.000** | **108.000.000** |  |
| - | Khương Văn Nhiệm | TB. KS | 4.000.000 | 48.000.000 |  |
| - | Nguyễn Như Thức | *TV. BKS* | 2.500.000 | 30.000.000 |  |
| - | Phạm Văn Ngữ | *TV. BKS* | 2.500.000 | 30.000.000 |  |
|  | **TỔNG CỘNG** |  | **30.500.000** | **366.000.000** |  |

* Lương trong năm 2012:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **HỌ VÀ TÊN** | **CHỨC DANH** | **LƯƠNG NĂM 2012 (VND)** | **GHI CHÚ** |
|
| **1** | **Ban Tổng Giám Đốc** |  |  |  |
| - | Lê Văn Tuấn | TGĐ | 363.368.445 |  |
| - | Vi Giang Khu | P.TGĐ | 276.701.716 |  |
| - | Ứng Vũ Thanh | P.TGĐ | 249.211.242 |  |
| - | Tống Văn Hiếu | P.TGĐ | 237.339.293 |  |
|  | **TỔNG CỘNG** |  | **1.126.620.696** |  |

* 1. **Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Người thực hiện Giao dịch** | **Chức vụ tại Công ty (nếu có)** | **Số cổ phiếu sở hữu đầu năm** | | **Số cổ phiếu sở hữu cuối năm** | | **Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng…)** |
| **Số cổ phiếu** | **Tỷ lệ** | **Số cổ phiếu** | **Tỷ lệ** |
| **A** | **B** | **D** | **1** | **2** |  |  |  |
| 1 | Lê Văn Tuấn | TV HĐQT kiêm Tổng giám đốc | 10.000 | 0,20% | 310.000 | 6,20% | Mua |
| 2 | Nguyễn Trí Dũng | TV HĐQT | 500.000 | 10,00% | - | 0,00% | Bán |
| 3 | Ứng Vũ Thanh | Phó Tổng giám đốc | - | 0,00% | 36.200 | 0,72% | Mua |
| 4 | Trần Thanh Giang | Kế toán trưởng | - | 0,00% | 25.100 | 0,50% | Mua |
| **Tổng cộng** | | | **510.000** | **10,20%** | **371.300** | **7,43%** |  |

* 1. **Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không**

1. **Báo cáo tài chính**
2. **Ý kiến kiểm toán**

* Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn (A&C).
* Ý kiến kiểm toán: “Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp sau khi đã điều chỉnh theo ý kiến của kiểm toán viên đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan”.

1. **Báo cáo tài chính được kiểm toán**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ THĂNG LONG**  *ĐVT: VND*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TÀI SẢN** | | **Mã  số** | **Thuyết  minh** | **Số cuối năm** | **Số đầu năm** |
| **A -** | **TÀI SẢN NGẮN HẠN** | **100** |  | **248.644.642.987** | **226.500.130.285** |
| **I.** | **Tiền và các khoản tương đương tiền** | **110** | **V.1** | **22.683.633.059** | **18.058.266.009** |
| 1. | Tiền | 111 |  | 22.683.633.059 | 7.058.266.009 |
| 2. | Các khoản tương đương tiền | 112 |  | - | 11.000.000.000 |
| **II.** | **Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn** | **120** |  | **-** | **-** |
| 1. | Đầu tư ngắn hạn | 121 |  | - | - |
| 2. | Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn | 129 |  | - | - |
| **III.** | **Các khoản phải thu ngắn hạn** | **130** |  | **158.758.784.854** | **119.472.411.118** |
| 1. | Phải thu khách hàng | 131 | V.2 | 139.991.891.671 | 105.722.503.902 |
| 2. | Trả trước cho người bán | 132 | V.3 | 13.144.841.348 | 11.130.739.027 |
| 3. | Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 |  | - | - |
| 4. | Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 |  | - | - |
| 5. | Các khoản phải thu khác | 135 | V.4 | 5.696.990.610 | 2.619.168.189 |
| 6. | Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 139 |  | (74.938.775) | - |
| **IV.** | **Hàng tồn kho** | **140** |  | **60.247.816.856** | **78.948.671.110** |
| 1. | Hàng tồn kho | 141 | V.5 | 60.247.816.856 | 78.948.671.110 |
| 2. | Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 |  | - | - |
| **V.** | **Tài sản ngắn hạn khác** | **150** |  | **6.954.408.218** | **10.020.782.048** |
| 1. | Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.6 | 90.855.228 | 39.438.124 |
| 2. | Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 |  | - | - |
| 3. | Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 154 |  | - | - |
| 4. | Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 157 |  | - | - |
| 5 | Tài sản ngắn hạn khác | 158 | V.7 | 6.863.552.990 | 9.981.343.924 |
| **B -** | **TÀI SẢN DÀI HẠN** | **200** |  | **34.772.232.786** | **36.132.478.772** |
| **I.** | **Các khoản phải thu dài hạn** | **210** |  | **-** | **-** |
| 1. | Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 |  | - | - |
| 2. | Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc | 212 |  | - | - |
| 3. | Phải thu dài hạn nội bộ | 213 |  | - | - |
| 4. | Phải thu dài hạn khác | 218 |  | - | - |
| 5. | Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 |  | - | - |
| **II.** | **Tài sản cố định** | **220** |  | **15.072.761.566** | **16.172.748.213** |
| 1. | Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.8 | 10.284.477.925 | 11.400.548.213 |
|  | *Nguyên giá* | *222* |  | *19.196.348.139* | *18.334.612.724* |
|  | *Giá trị hao mòn lũy kế* | *223* |  | *(8.911.870.214)* | *(6.934.064.511)* |
| 2. | Tài sản cố định thuê tài chính | 224 |  | - | - |
|  | *Nguyên giá* | *225* |  | *-* | *-* |
|  | *Giá trị hao mòn lũy kế* | *226* |  | *-* | *-* |
| 3. | Tài sản cố định vô hình | 227 | V.9 | 4.611.200.000 | 4.611.200.000 |
|  | *Nguyên giá* | *228* |  | *4.611.200.000* | *4.611.200.000* |
|  | *Giá trị hao mòn lũy kế* | *229* |  | *-* | *-* |
| 4. | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | V.10 | 177.083.641 | 161.000.000 |
| **III.** | **Bất động sản đầu tư** | **240** |  | **-** | **-** |
|  | Nguyên giá | 241 |  | - | - |
|  | Giá trị hao mòn lũy kế | 242 |  | - | - |
| **IV.** | **Các khoản đầu tư tài chính dài hạn** | **250** |  | **18.300.000.000** | **18.300.000.000** |
| 1. | Đầu tư vào công ty con | 251 |  | - | - |
| 2. | Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 252 | V.11 | 10.300.000.000 | 10.300.000.000 |
| 3. | Đầu tư dài hạn khác | 258 | V.12 | 8.000.000.000 | 8.000.000.000 |
| 4. | Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 259 |  | - | - |
| **V.** | **Tài sản dài hạn khác** | **260** |  | **1.399.471.220** | **1.659.730.559** |
| 1. | Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.13 | 1.388.971.220 | 1.654.730.559 |
| 2. | Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 |  | - | - |
| 3. | Tài sản dài hạn khác | 268 | V.14 | 10.500.000 | 5.000.000 |
|  | **TỔNG CỘNG TÀI SẢN** | **270** |  | **283.416.875.773** | **262.632.609.057** |
|  | |  |  |  |  |
|  | |  |  |  |  |
| **NGUỒN VỐN** | | **Mã  số** | **Thuyết  minh** | **Số cuối năm** | **Số đầu năm** |
| **A -** | **NỢ PHẢI TRẢ** | **300** |  | **209.942.589.841** | **194.162.516.278** |
| **I.** | **Nợ ngắn hạn** | **310** |  | **208.918.783.718** | **190.792.685.646** |
| 1. | Vay và nợ ngắn hạn | 311 | V.15 | 64.114.499.970 | 62.200.643.938 |
| 2. | Phải trả người bán | 312 | V.16 | 59.701.817.839 | 46.529.450.966 |
| 3. | Người mua trả tiền trước | 313 | V.17 | 26.118.563.331 | 30.172.888.865 |
| 4. | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | V.18 | 14.346.175.975 | 10.645.751.240 |
| 5. | Phải trả người lao động | 315 |  | 13.678.831.768 | 10.916.733.269 |
| 6. | Chi phí phải trả | 316 | V.19 | 14.045.430.701 | 14.321.395.787 |
| 7. | Phải trả nội bộ | 317 |  | - | - |
| 8. | Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 318 |  | - | - |
| 9. | Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319 | V.20 | 16.599.871.203 | 15.884.140.815 |
| 10. | Dự phòng phải trả ngắn hạn | 320 |  | - | - |
| 11. | Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 323 | V.21 | 313.592.931 | 121.680.766 |
| 12. | Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 327 |  | - | - |
| **II.** | **Nợ dài hạn** | **330** |  | **1.023.806.123** | **3.369.830.632** |
| 1. | Phải trả dài hạn người bán | 331 |  | - | - |
| 2. | Phải trả dài hạn nội bộ | 332 |  | - | - |
| 3. | Phải trả dài hạn khác | 333 |  | - | - |
| 4. | Vay và nợ dài hạn | 334 | V.22 | 210.819.656 | 699.046.268 |
| 5. | Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 335 |  | - | - |
| 6. | Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 336 | V.23 | - | 391.525.524 |
| 7. | Dự phòng phải trả dài hạn | 337 |  | - | - |
| 8. | Doanh thu chưa thực hiện | 338 | V.24 | 812.986.467 | 2.279.258.840 |
| 9. | Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 339 |  | - | - |
| **B -** | **NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU** | **400** |  | **73.474.285.932** | **68.470.092.779** |
| **I.** | **Vốn chủ sở hữu** | **410** | **V.25** | **73.474.285.932** | **68.470.092.779** |
| 1. | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 |  | 50.000.000.000 | 50.000.000.000 |
| 2. | Thặng dư vốn cổ phần | 412 |  | 5.000.000.000 | 5.000.000.000 |
| 3. | Vốn khác của chủ sở hữu | 413 |  | - | - |
| 4. | Cổ phiếu quỹ | 414 |  | - | - |
| 5. | Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 415 |  | - | - |
| 6. | Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 416 |  | - | - |
| 7. | Quỹ đầu tư phát triển | 417 |  | 6.621.644.637 | 4.344.230.853 |
| 8. | Quỹ dự phòng tài chính | 418 |  | 1.357.835.977 | 948.992.506 |
| 9. | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 419 |  | - | - |
| 10. | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420 |  | 10.494.805.318 | 8.176.869.420 |
| 11. | Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 421 |  | - | - |
| 12. | Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 422 |  | - | - |
| **II.** | **Nguồn kinh phí và quỹ khác** | **430** |  | **-** | **-** |
| 1. | Nguồn kinh phí | 432 |  | - | - |
| 2. | Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 433 |  | - | - |
|  | **TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN** | **440** |  | **283.416.875.773** | **262.632.609.057** |
| **CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP** | | | | | |
| **CHỈ TIÊU** | |  | **Thuyết  minh** | **Số cuối năm** | **Số đầu năm** |
| 1. | Tài sản thuê ngoài |  |  | - | - |
| 2. | Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công |  |  | - | - |
| 3. | Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược |  |  | - | - |
| 4. | Nợ khó đòi đã xử lý |  |  | - | - |
| 5. | Ngoại tệ các loại: |  |  |  |  |
|  | Dollar Mỹ (USD) |  |  | 200,92 | 200,68 |
| 6. | Dự toán chi sự nghiệp, dự án |  |  | - | - |

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH TỔNG HỢP NĂM 2012**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CHỈ TIÊU** | | **Mã  số** | **Thuyết minh** | **Năm nay** | **Năm trước** |
| 1. | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 327.279.128.007 | 213.185.780.552 |
| 2. | Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 |  | - | - |
| 3. | Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 |  | 327.279.128.007 | 213.185.780.552 |
| 4. | Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 286.092.414.752 | 173.889.901.957 |
| 5. | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 |  | 41.186.713.255 | 39.295.878.595 |
| 6. | Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 451.293.383 | 483.404.794 |
| 7. | Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 9.598.970.566 | 12.942.584.648 |
|  | Trong đó: chi phí lãi vay | 23 |  | 9.598.970.566 | 12.942.584.648 |
| 8. | Chi phí bán hàng | 24 |  | - | - |
| 9. | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | VI.5 | 18.936.075.348 | 16.015.613.707 |
| 10. | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 |  | 13.102.960.724 | 10.821.085.034 |
| 11. | Thu nhập khác | 31 | VI.6 | 826.152.235 | 122.577.313 |
| 12. | Chi phí khác | 32 | VI.7 | 1.077.851.117 | 687.299.720 |
| 13. | Lợi nhuận khác | 40 |  | (251.698.882) | (564.722.407) |
| 14. | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 |  | 12.851.261.842 | 10.256.362.627 |
| 15. | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 |  | 2.356.456.524 | 2.079.493.207 |
| 16. | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 |  | - | - |
| 17. | Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 |  | 10.494.805.318 | 8.176.869.420 |
| 18. | Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.8 | 2.099 | 1.635 |

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**

**(THEO PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **CHỈ TIÊU** | **Mã số** | **Thuyết minh** | **Năm nay** | **Năm trước** |
|
| **I.** | **Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh** |  |  |  |  |
| ***1.*** | ***Lợi nhuận trước thuế*** | ***01*** |  | ***12.851.261.842*** | ***10.256.362.627*** |
| ***2.*** | ***Điều chỉnh cho các khoản:*** |  |  |  |  |
| - | Khấu hao tài sản cố định | 02 |  | 1.977.805.703 | 2.044.479.446 |
| - | Các khoản dự phòng | 03 |  | 74.938.775 | - |
| - | Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | 04 |  | - | - |
| - | Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 |  | (188.896.050) | (39.725.000) |
| - | Chi phí lãi vay | 06 |  | 9.598.970.566 | 12.942.584.648 |
| ***3.*** | ***Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh*** |  |  |  |  |
|  | ***trước thay đổi vốn lưu động*** | ***08*** |  | ***24.314.080.836*** | ***25.203.701.721*** |
| - | Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 |  | (34.434.907.747) | 6.159.188.269 |
| - | Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 |  | 18.700.854.254 | (26.859.724.132) |
| - | Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 |  | 13.485.322.865 | 15.313.580.897 |
| - | Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 |  | 214.342.235 | 621.229.242 |
| - | Tiền lãi vay đã trả | 13 |  | (9.611.107.977) | (12.994.403.350) |
| - | Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 14 |  | (200.000.000) | (33.211.981) |
| - | Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 15 |  | - | - |
| - | Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 16 |  | (2.112.813.830) | (434.052.563) |
|  | ***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh*** | ***20*** |  | ***10.355.770.636*** | ***6.976.308.103*** |
| **II.** | **Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư** |  |  |  |  |
| 1. | Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và |  |  |  |  |
|  | các tài sản dài hạn khác | 21 |  | (877.819.056) | (1.882.129.545) |
| 2. | Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và |  |  |  |  |
|  | các tài sản dài hạn khác | 22 |  | - | 2.636.364 |
| 3. | Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của |  |  |  |  |
|  | đơn vị khác | 23 |  | - | - |
| 4. | Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của |  |  |  |  |
|  | đơn vị khác | 24 |  | - | - |
| 5. | Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác | 25 |  | - | - |
| 6. | Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác | 26 |  | - | - |
| 7. | Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 |  | 188.896.050 | 39.725.000 |
|  | ***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư*** | ***30*** |  | ***(688.923.006)*** | ***(1.839.768.181)*** |
| **III.** | **Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính** |  |  |  |  |
| 1. | Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của |  |  |  |  |
|  | chủ sở hữu | 31 |  | - | - |
| 2. | Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại |  |  |  |  |
|  | cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 |  | - | - |
| 3. | Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 |  | 137.512.132.943 | 122.560.614.594 |
| 4. | Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 |  | (136.086.503.523) | (123.097.960.609) |
| 5. | Tiền chi trả nợ thuê tài chính | 35 |  | - | - |
| 6. | Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 |  | (6.467.110.000) | - |
|  | ***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính*** | ***40*** |  | ***(5.041.480.580)*** | ***(537.346.015)*** |
|  | **Lưu chuyển tiền thuần trong năm** | **50** |  | **4.625.367.050** | **4.599.193.907** |
|  | **Tiền và tương đương tiền đầu năm** | **60** | **V.1** | **18.058.266.009** | **13.459.072.102** |
|  | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 |  | - | - |
|  | **Tiền và tương đương tiền cuối năm** | **70** | **V.1** | **22.683.633.059** | **18.058.266.009** |

Toàn văn Báo cáo tài chính tổng hợp đã kiểm toán được đăng tải trên Website: [http://www.selco.com.vn](http://www.selco.com.vn/)

|  |  |
| --- | --- |
|  | **T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  **CHỦ TỊCH** |